

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÂY SẦU RIÊNG Ở HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thị Hường¹, Đàm Nguyễn Thuỳ Dương², Hoàng Thị Việt Hà³

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng phát triển cây sầu riêng ở huyện Đạ Huoai⁴, tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2019-2023 dựa trên số liệu thống kê và khảo sát thực địa tại 100 hộ nông dân trồng sầu riêng. Nội dung khảo sát tập trung vào diện tích, năng suất, sản lượng, thu nhập và mức độ áp dụng quy trình canh tác VietGAP. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, so sánh giữa các xã và phân tích SWOT nhằm làm rõ điểm mạnh, điểm yếu và các thách thức trong phát triển sầu riêng tại địa phương. Kết quả cho thấy có sự chênh lệch đáng kể giữa các xã về hiệu quả sản xuất và thu nhập. Các hộ áp dụng VietGAP đạt mức thu nhập bình quân cao hơn so với các hộ canh tác truyền thống. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra ba thách thức chính đối với sự phát triển bền vững ngành trồng sầu riêng của địa phương, bao gồm: sự phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc, thiếu quy hoạch vùng sản xuất tập trung và năng lực tổ chức liên kết sản xuất còn hạn chế. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững như: nâng cao chất lượng giống, mở rộng áp dụng quy trình VietGAP, hoàn thiện quy hoạch vùng chuyên canh, đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và tăng cường liên kết chuỗi giá trị.

Từ khóa: Đạ Huoai; Hiệu quả sản xuất; Phát triển bền vững; Sầu riêng.

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF DURIAN CULTIVATION IN DA HUOAI DISTRICT, LAM DONG PROVINCE

Abstract: The paper analyzes the current development of durian cultivation in Da Huoai District, Lam Dong Province during the period 2019–2023, based on statistical data and field surveys conducted with 100 durian-growing households. The survey focuses on cultivated area, yield, output, income, and the level of VietGAP adoption. The paper employs descriptive statistical methods, cross-commune comparisons, and SWOT analysis to clarify strengths, weaknesses, and challenges in the district's durian industry. The results indicate substantial disparities among communes in production efficiency and household income. Households applying VietGAP achieve higher average incomes than those practicing traditional cultivation. Additionally, the paper identifies three major challenges to the sustainable development of local durian production: heavy dependence on the Chinese market, the absence of well-planned concentrated production zones, and limited organizational capacity for production linkages. Accordingly, the authors propose several sustainable development solutions, including improving seed quality, expanding VietGAP adoption, completing the planning of

¹Cử nhân, Trường THPT Nguyễn Hữu Huân, TP. Hồ Chí Minh; HVCH Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

²TS, Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh.

³TS, Trường Đại học Đồng Tháp, email liên hệ: htvha@dthu.edu.vn.

⁴Trước ngày 1/7/2025 là huyện Đạ Huoai gồm 9 đơn vị hành chính (02 thị trấn và 07 xã). Khu vực lấy mẫu của bài viết bao gồm địa giới 05 xã: Hà Lâm, Đạ P'Loa, Đạ Oai, Mađaguôi và Đoàn Kết.

specialized cultivation zones, investing in production-supporting infrastructure, and strengthening value chain linkages.

Keywords: *Da Huoi; Production efficiency; Sustainable development; Durian.*

Nộp bản thảo: 24/5/2025

Chấp nhận đăng: 15/10/2025

1. Mở đầu

1.1. Đặt vấn đề

Sầu riêng (*Durio zibethinus Murr*) là cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu cây trồng và xuất khẩu của Việt Nam. Những năm gần đây, diện tích và sản lượng sầu riêng cả nước tăng mạnh, phản ánh nhu cầu tiêu thụ lớn trong nước và quốc tế - đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Năm 2022, diện tích trồng sầu riêng cả nước đạt khoảng 112.300ha với sản lượng khoảng 863.300 tấn, tăng hơn gấp đôi so với năm 2017 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023). Trong 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sầu riêng mang về 1,32 tỷ USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Trung Quốc chiếm 92% tổng kim ngạch (Asemconnect Vietnam, 2024; Vietnam News, 2025).

Tại tỉnh Lâm Đồng cây sầu riêng đang được phát triển mạnh tại nhiều địa phương, nổi bật là ở huyện Đa Huoi. Với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, đất đỏ bazan màu mỡ và hệ thống thủy lợi thuận lợi, huyện có nhiều tiềm năng trở thành vùng chuyên canh sầu riêng quy mô lớn. Đến năm 2023, toàn huyện có khoảng 6.088ha sầu riêng (trong đó 3.731ha đang cho thu hoạch) với sản lượng ước đạt 50.504 tấn (Ủy ban nhân dân huyện Đa Huoi, 2023). Tuy nhiên, sản xuất sầu riêng ở huyện Đa Huoi vẫn còn tồn tại những bất cập như quy mô canh tác nhỏ lẻ, kỹ thuật canh tác chưa đồng đều giữa các hộ, và sự chênh lệch đáng kể về hiệu quả kinh tế giữa các xã. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tiến hành khảo sát thực trạng sản xuất cây sầu riêng tại một số xã tiêu biểu, tập trung phân tích các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng và thu nhập. Qua đó, nghiên cứu làm rõ các nguyên nhân của sự khác biệt này như điều kiện tự nhiên, mức độ áp dụng kỹ thuật canh tác VietGAP, hay sự liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp thu mua. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể và có tính khả thi nhằm phát triển ngành hàng sầu riêng theo hướng bền vững và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

1.2. Tổng quan nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã tập trung vào phát triển bền vững cây ăn quả, trong đó có sầu riêng. Prayitno & cộng sự (2022) khi nghiên cứu tại Indonesia chỉ ra rằng vốn xã hội (niềm tin, mạng lưới liên kết, chuẩn mực cộng đồng) có tác động tích cực đến việc áp dụng canh tác bền vững (Prayitno, et al., 2022). Tại Thái Lan, 91,2% nông dân trồng sầu riêng thừa nhận ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hơn một nửa đã chủ động thích ứng bằng điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật tưới tiêu (Lilavanichakul & Pathak, 2024). Ngoài ra, các nghiên cứu còn nhấn mạnh đến rủi ro về biến động thị trường, sâu bệnh, và yêu cầu kỹ thuật khắt khe khi xuất khẩu.

Ở Việt Nam diện tích trồng sầu riêng những năm gần đây tăng nhanh, đạt khoảng 112.300 ha năm 2022 (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023). Riêng tại Lâm Đồng, diện tích sầu riêng tăng từ 17.712ha năm 2022 lên 22.696 ha năm 2023, với 10.635ha đang cho sản phẩm và sản lượng đạt 143.622 tấn (Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2024). Song song đó, nhiều nghiên cứu cảnh báo

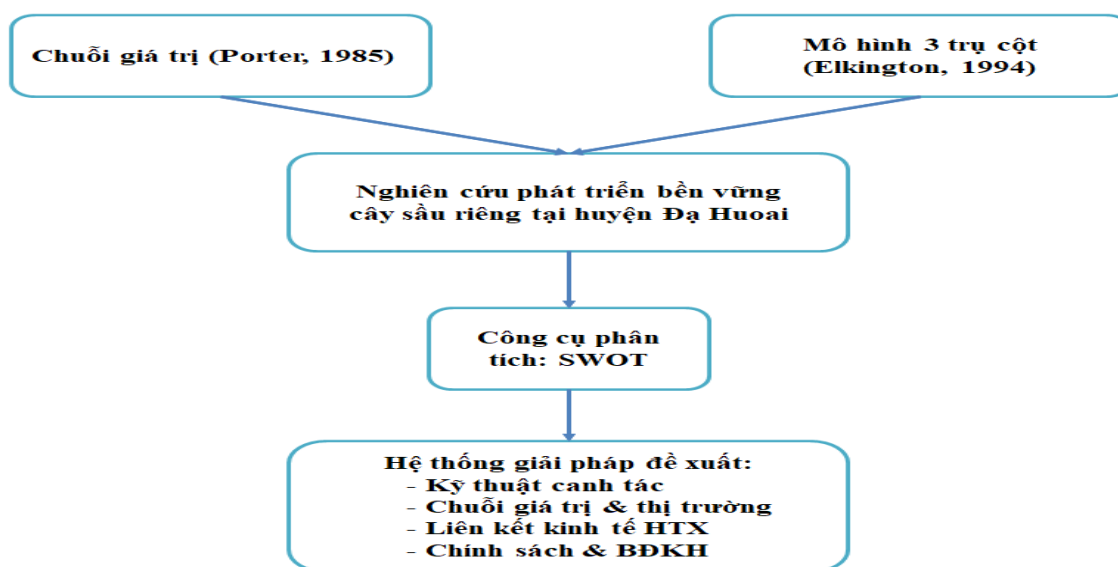
tình trạng “tăng nóng”, thiếu quy hoạch vùng chuyên canh, còn phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc. Về hiệu quả kinh tế, nghiên cứu của Vũ Thùy Dương & Võ Thành Danh (2011) tại Tiền Giang chứng minh trồng sầu riêng mang lại lợi nhuận cao nhưng rủi ro khác nhau giữa các giống. Nhiều nghiên cứu về mô hình VietGAP cho thấy hộ tham gia hợp tác xã, được hỗ trợ kỹ thuật, thường có thu nhập cao hơn từ 20-30% so với hộ sản xuất truyền thống. Nghiên cứu của Trần Quốc Nhân và cộng sự (2022) về hộ trồng xoài ở Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy việc áp dụng VietGAP giúp kiểm soát chất lượng tốt hơn và tăng hiệu quả kinh tế. Bên cạnh đó, Trần Quốc Nhân (2024) khi nghiên cứu về cây ăn trái tại Hậu Giang cũng khẳng định vai trò của liên kết hợp tác xã trong việc duy trì sản xuất theo VietGAP. Điều này khẳng định tầm quan trọng của quy trình canh tác chuẩn hóa và liên kết chuỗi giá trị trong nâng cao hiệu quả kinh tế nông hộ.

1.3. Cơ sở lý thuyết

Để tiếp cận một cách toàn diện vấn đề phát triển bền vững cây sầu riêng tại huyện Đạ Huoai, nghiên cứu vận dụng và tham chiếu hai khung lý thuyết chính và một công cụ phân tích như sau:

(1) Lý thuyết chuỗi giá trị (Porter, 1985): Khung lý thuyết này nhấn mạnh mỗi sản phẩm nông nghiệp đều trải qua các khâu từ đầu vào, sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu thụ. Việc tối ưu từng khâu sẽ làm gia tăng giá trị, giảm thất thoát và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vận dụng vào nghiên cứu này, chuỗi giá trị liên quan trực tiếp đến các biến nghiên cứu về tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc, bởi đây là hai khâu quyết định giá bán, thương hiệu và khả năng tiếp cận thị trường xa của sầu riêng Đạ Huoai.

HÌNH 1. SƠ ĐỒ KHUNG LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÂY SẦU RIÊNG TẠI HUYỆN ĐẠ HUOAI



Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất, 2025.

(2) Mô hình phát triển bền vững ba trụ cột (Elkington, 1994): Mô hình này khẳng định sự phát triển chỉ bền vững khi gắn kết đồng thời ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong bối cảnh địa phương, điều này được cụ thể hóa qua: (i) nâng cao năng suất, giá trị kinh tế cho nông hộ (trụ

cột kinh tế); (ii) cải thiện đời sống, nâng cao trình độ, tăng khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (trụ cột xã hội); và (iii) giảm thiểu rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh, áp dụng kỹ thuật canh tác thân thiện môi trường (trụ cột môi trường). Các trụ cột này gắn trực tiếp với nhóm nhân tố đặc điểm hộ, kỹ thuật, yếu tố tự nhiên và chính sách hỗ trợ trong khung nghiên cứu.

Từ cơ sở lý thuyết và công cụ phân tích trên, nghiên cứu xây dựng sơ đồ khung tiếp cận (Hình 1), thể hiện mối quan hệ giữa chuỗi giá trị, mô hình ba trụ cột và phân tích SWOT nhằm định hướng đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển bền vững cây sầu riêng tại huyện Đạ Huoai.

Việc áp dụng các khung lý thuyết này cho nghiên cứu về sầu riêng ở huyện Đạ Huoai giúp làm rõ không chỉ thực trạng sản xuất, mà còn xác định các yếu tố quyết định đến tính bền vững của ngành hàng trong bối cảnh địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kết hợp dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp nhằm bảo đảm tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả phân tích.

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Niên giám Thống kê tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2019-2023, các báo cáo chuyên đề của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng (cũ), cùng với báo cáo sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân huyện Đạ Huoai (cũ) ban hành. Những nguồn dữ liệu này cung cấp thông tin nền tảng về diện tích, năng suất, sản lượng và giá trị kinh tế của cây sầu riêng tại địa phương.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát thực địa 100 hộ nông dân trồng sầu riêng ở huyện Đạ Huoai, gồm 5 xã: Hà Lâm, Đạ P'Loa, Đạ Oai, Mađaguôi và Đoàn Kết. Phương pháp chọn mẫu được áp dụng là chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, nhằm bảo đảm tính đại diện giữa các nhóm hộ có quy mô sản xuất khác nhau và điều kiện canh tác đa dạng.

Về cỡ mẫu: Theo thống kê năm 2023, huyện Đạ Huoai có khoảng 1.150 hộ trồng sầu riêng. Cỡ mẫu được xác định dựa trên công thức Cochran (1977), với mức sai số cho phép $e = 0,1$ và độ tin cậy 90%. Kết quả tính toán cho thấy tối thiểu cần 92 hộ. Để tăng độ tin cậy và hạn chế sai lệch do phiếu không hợp lệ, nhóm tác giả thực hiện khảo sát 100 hộ nông dân, đáp ứng yêu cầu thống kê đồng thời phản ánh khách quan thực tiễn sản xuất tại địa bàn nghiên cứu.

Về công cụ thu thập dữ liệu: Bảng hỏi khảo sát được thiết kế dưới dạng bán cấu trúc, tập trung thu thập thông tin về đặc điểm nhân khẩu học và nguồn lực của hộ nông dân (như diện tích đất, vốn đầu tư và lao động), thực trạng sản xuất (bao gồm diện tích trồng, năng suất, sản lượng và kỹ thuật canh tác), thu nhập và chi phí sản xuất sầu riêng, mức độ áp dụng quy trình VietGAP cùng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, cũng như những khó khăn mà người trồng gặp phải trong quá trình canh tác, tiêu thụ và tham gia liên kết sản xuất.

Xử lý và phân tích dữ liệu: dữ liệu thu thập được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 kết hợp với Microsoft Excel. Quá trình phân tích được tiến hành theo ba hướng chính: (1) thống kê mô tả (bao gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị cực đại và cực tiểu) nhằm xác định đặc điểm chung của mẫu khảo sát; (2) phân tích tương quan Pearson và kiểm định ANOVA để xem xét mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất với hiệu quả kinh tế của hộ trồng sầu riêng; và (3) phân tích SWOT

nhằm nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển cây sầu riêng tại khu vực nghiên cứu, qua đó đề xuất các giải pháp khả thi hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

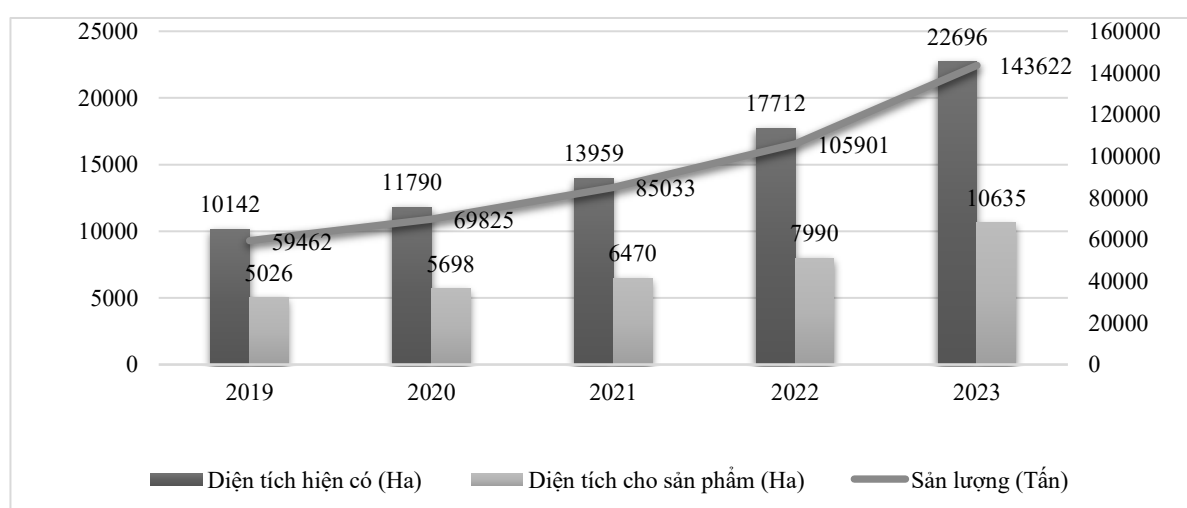
3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình sản xuất sầu riêng ở Việt Nam, vùng Tây Nguyên và tỉnh Lâm Đồng

Trong những năm gần đây, sầu riêng đã trở thành một trong những loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao tại Việt Nam, đặc biệt tại các tỉnh phía Nam như Tiền Giang, Bến Tre, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Nhờ điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm và đất đai màu mỡ, diện tích trồng sầu riêng trên cả nước đã không ngừng tăng trưởng, diện tích sầu riêng toàn quốc năm 2023 đạt khoảng 112.000 ha, gần gấp đôi so với năm 2021 (Cục Bảo vệ Thực vật, 2023). Sự gia tăng nhanh chóng này phần lớn đến từ việc mở rộng vùng trồng tập trung, áp dụng kỹ thuật canh tác hiện đại, và sự tham gia của các hợp tác xã, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị. Đặc biệt, sau khi Việt Nam ký kết Nghị định thư về xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc vào năm 2022, ngành hàng sầu riêng đã được thúc đẩy mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Tuy nhiên, sự phát triển “nóng” cũng đi kèm với nhiều thách thức, như sản xuất còn manh mún, thiếu quy hoạch vùng trồng, kỹ thuật chưa đồng đều và hệ thống truy xuất nguồn gốc còn hạn chế, nhất là ở nhóm nông hộ nhỏ lẻ. Để đảm bảo tính bền vững, ngành sầu riêng cần tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị từ sản xuất theo tiêu chuẩn đến tiêu thụ ổn định.

Tây Nguyên hiện là một trong những vùng trồng sầu riêng trọng điểm của cả nước nhờ khí hậu gió mùa, đất bazan màu mỡ và điều kiện sinh thái thuận lợi. Năm 2021, diện tích trồng sầu riêng toàn vùng đạt khoảng 27.839ha, chiếm gần 30% diện tích cả nước, trong đó Đắk Lắk đứng đầu với hơn 15.000ha (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023). Bên cạnh đó, sầu riêng Tây Nguyên còn giữ vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng xuất khẩu, đặc biệt sang thị trường Trung Quốc.

HÌNH 2. DIỆN TÍCH HIỆN CÓ, DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM VÀ SẢN LƯỢNG SẦU RIÊNG TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2019–2023



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2024.

Tại tỉnh Lâm Đồng - địa phương có điều kiện sinh thái đa dạng và hạ tầng nông nghiệp tương đối hoàn chỉnh - cây sầu riêng đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở huyện Đạ Huoai (cũ). Nhiều mô hình sản xuất tại đây đã chuyển hướng sang áp dụng quy trình VietGAP và canh tác hữu cơ, góp

phần nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Giai đoạn 2019-2023, diện tích sầu riêng toàn tỉnh tăng mạnh từ 10.142 ha lên 22.696ha, tương ứng gấp 2,2 lần. Diện tích cho sản phẩm cũng tăng gần gấp đôi, từ 5.026ha lên 10.635ha. Sản lượng thu hoạch tăng vượt trội từ 59.462 tấn lên 143.622 tấn - phản ánh không chỉ sự mở rộng vùng trồng mà còn cho thấy hiệu quả của việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến giống cây trồng và đầu tư quy trình chăm sóc. Những con số này cho thấy Lâm Đồng đang nổi lên như một vùng chuyên canh sầu riêng trọng điểm của Tây Nguyên, với tiềm năng lớn để phát triển ngành hàng này theo hướng bền vững trong những năm tới (Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2024).

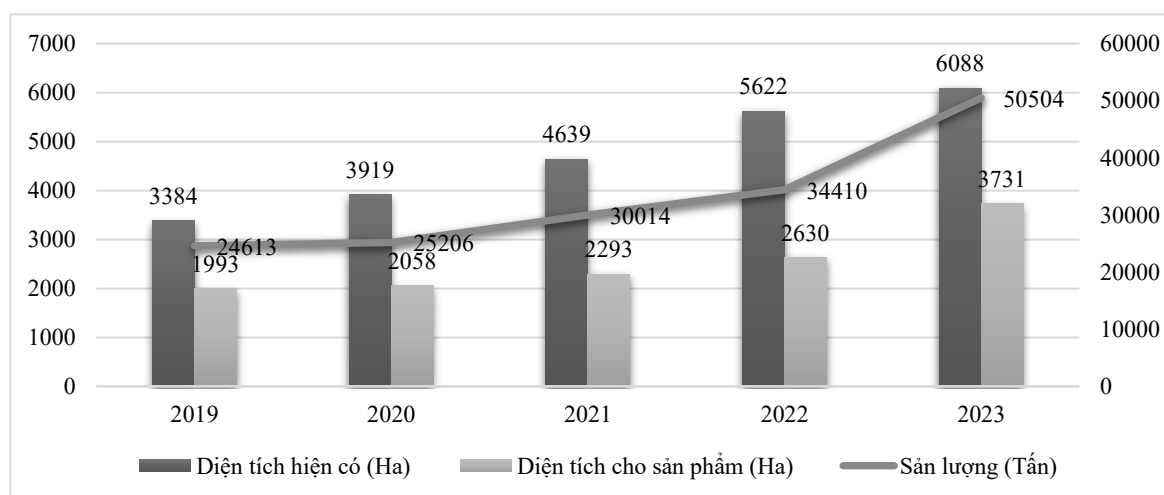
3.2. Tình hình sản xuất sầu riêng ở huyện Đạ Huoai

Biến động diện tích, sản lượng và năng suất giai đoạn 2019-2023

Theo số liệu từ Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng (2024), diện tích trồng sầu riêng ở huyện Đạ Huoai đã tăng từ 3.384ha vào năm 2019 lên 6.088 ha vào năm 2023, tương ứng với mức tăng khoảng 79,9% trong vòng 5 năm. Diện tích cho sản phẩm cũng ghi nhận sự gia tăng từ 1.815ha lên 3.731ha trong cùng kỳ. Song song đó, sản lượng thu hoạch tăng từ 26.174 tấn lên 50.504 tấn, gần gấp đôi so với năm đầu kỳ.

Tuy nhiên, năng suất bình quân trong giai đoạn này dao động không đáng kể, duy trì quanh mức 13,3 tấn/ha, cho thấy phần lớn tăng trưởng sản lượng đến từ việc mở rộng diện tích canh tác thay vì từ cải thiện kỹ thuật trồng hoặc nâng cao hiệu quả sản xuất.

HÌNH 3. DIỆN TÍCH HIỆN CÓ, DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM VÀ SẢN LƯỢNG SẦU RIÊNG Ở HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2019–2023



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2024.

Tỷ lệ diện tích cho sản phẩm so với tổng diện tích trồng năm 2023 đạt khoảng 61%, phản ánh tiềm năng phát triển trong tương lai khi nhiều vườn cây hiện nay còn chưa đến kỳ thu hoạch ổn định. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đầu tư vào hệ thống tưới tiêu, cải tạo giống và đẩy mạnh tập huấn kỹ thuật canh tác cho nông hộ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát huy lợi thế của Đạ Huoai như một vùng trọng điểm sầu riêng của tỉnh Lâm Đồng.

Đóng góp của huyện Đạ Huoai trong phát triển sầu riêng của tỉnh Lâm Đồng

Theo Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng năm 2024, huyện Đa Huoai là một trong những địa phương có vai trò quan trọng trong phát triển vùng nguyên liệu sầu riêng của tỉnh. Diện tích trồng sầu riêng hiện có tại khu vực đạt 6.088 ha, chiếm khoảng 26,8% tổng diện tích toàn tỉnh (22.696 ha). Mặc dù chưa chiếm tỷ trọng lớn nhất, nhưng con số này vẫn phản ánh rõ vị trí của huyện Đa Huoai như một vùng nguyên liệu trọng điểm trong chiến lược phát triển sầu riêng của địa phương. Đáng chú ý, diện tích đang cho sản phẩm của huyện đạt 3.731 ha, chiếm 35,1% tổng diện tích đang khai thác của toàn tỉnh (10.635 ha). Điều này cho thấy không chỉ có quy mô lớn, Đa Huoai còn là vùng sản xuất đang bước vào giai đoạn khai thác ổn định và hiệu quả. Về sản lượng, huyện Đa Huoai đạt 50.501 tấn sầu riêng, tương đương 35,2% tổng sản lượng toàn tỉnh (143.622 tấn). Tỷ lệ này tương đồng với tỷ lệ diện tích cho sản phẩm, cho thấy năng suất trung bình tại Đa Huoai tương đối cao và không thấp hơn mặt bằng chung toàn tỉnh.

Từ những số liệu trên, có thể khẳng định rằng sầu riêng ở huyện Đa Huoai hiện đang giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo nguồn cung sầu riêng cho tỉnh Lâm Đồng. Đây cũng là cơ sở để định hướng các chính sách đầu tư đồng bộ về hạ tầng, kỹ thuật canh tác và phát triển chuỗi giá trị bền vững trong những năm tới.

Đánh giá hiệu quả kinh tế và mối liên hệ giữa các yếu tố sản xuất trong các nhóm hộ trồng sầu riêng

Nhằm phản ánh thực trạng sản xuất sầu riêng của người dân địa phương, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 100 hộ nông dân. Dữ liệu thu thập tập trung vào diện tích trồng, năng suất thu hoạch và thu nhập từ sầu riêng hằng năm.

BẢNG 1. ĐẶC ĐIỂM QUY MÔ SẢN XUẤT, NĂNG SUẤT VÀ THU NHẬP TỪ CÂY SẦU RIÊNG CỦA HỘ NÔNG DÂN KHẢO SÁT Ở HUYỆN ĐA HUOAI (N = 100)

Chỉ số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
Diện tích sầu riêng (ha)	1,78	0,64	0,5	3,5
Năng suất (tấn/ha)	13,42	1,02	10,5	15,8
Thu nhập từ sầu riêng (triệu đồng)	421,3	137,4	150	750

Nguồn: Tác giả điều tra và phân tích bằng SPSS, 2025.

Kết quả cho thấy quy mô sản xuất giữa các hộ có sự phân hóa rõ rệt, với diện tích dao động từ 0,5 đến 3,5ha. Năng suất trung bình đạt 13,42 tấn/ha, với độ lệch chuẩn 1,02 tấn/ha, phản ánh sự khác biệt trong kỹ thuật canh tác. Thu nhập bình quân đạt 421,3 triệu đồng/năm, nhưng mức thấp nhất chỉ 150 triệu đồng, trong khi hộ có thu nhập cao nhất đạt tới 750 triệu đồng, cho thấy tiềm năng kinh tế lớn song cũng tồn tại khoảng cách hiệu quả sản xuất.

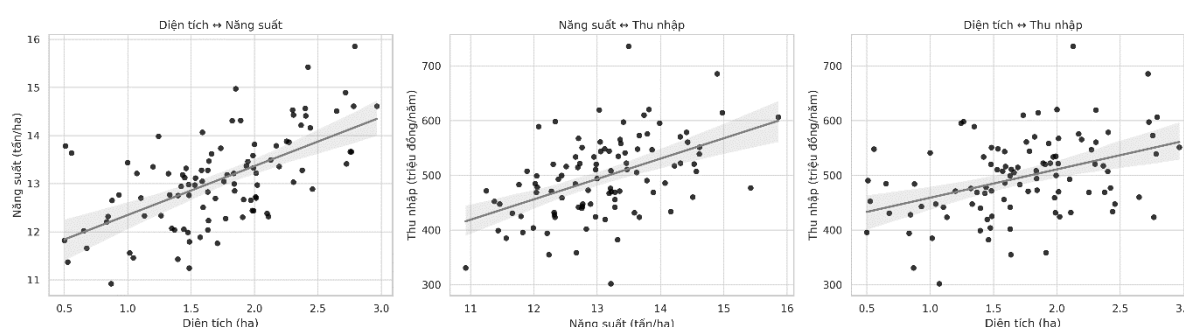
Để làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố sản xuất và hiệu quả kinh tế, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan Pearson giữa các biến định lượng chính như diện tích, năng suất, thu nhập và mức độ áp dụng quy trình VietGAP.

BẢNG 2. HỆ SỐ TƯƠNG QUAN PEARSON GIỮA CÁC BIẾN ĐỊNH LƯỢNG

Biến so sánh	Hệ số tương quan (r)	Mức ý nghĩa (p)
Diện tích ↔ Năng suất	0,48	< 0,01
Áp dụng VietGAP ↔ Năng suất	0,51	< 0,01
Áp dụng VietGAP ↔ Thu nhập	0,56	< 0,01

Nguồn: Tác giả điều tra và phân tích bằng SPSS, 2025.

HÌNH 4. BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN MINH HỌA MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIẾN ĐỊNH LƯỢNG



Nguồn: Tác giả xử lý bằng SPSS từ kết quả khảo sát, năm 2025.

Kết quả phân tích chỉ ra các mối liên hệ tuyến tính dương có ý nghĩa thống kê.

Diện tích và năng suất có hệ số tương quan $r = 0,48$ ($p < 0,01$), phản ánh mối liên hệ chặt chẽ ở mức trung bình. Trên biểu đồ phân tán, xu hướng tuyến tính thể hiện rằng các hộ có diện tích canh tác lớn hơn (trên 2,5ha) thường đạt năng suất cao hơn mức trung bình (trên 14 tấn/ha), cho thấy khả năng áp dụng kỹ thuật và quản lý sản xuất hiệu quả hơn ở nhóm hộ quy mô lớn.

Năng suất và thu nhập có hệ số tương quan $r = 0,51$ ($p < 0,01$), thể hiện mối liên hệ tương đối mạnh. Biểu đồ cho thấy phần lớn các hộ đạt năng suất trên 14 tấn/ha có mức thu nhập từ 500 triệu đồng trở lên, củng cố giả thiết rằng năng suất là yếu tố then chốt quyết định thu nhập hộ nông dân.

Diện tích và thu nhập có hệ số tương quan cao nhất ($r = 0,56$, $p < 0,01$). Tuy nhiên, biểu đồ cũng thể hiện mức độ phân tán đáng kể – một số hộ có diện tích lớn nhưng thu nhập thấp hơn trung bình, cho thấy sự khác biệt trong hiệu quả sử dụng đất hoặc khả năng tiêu thụ sản phẩm.

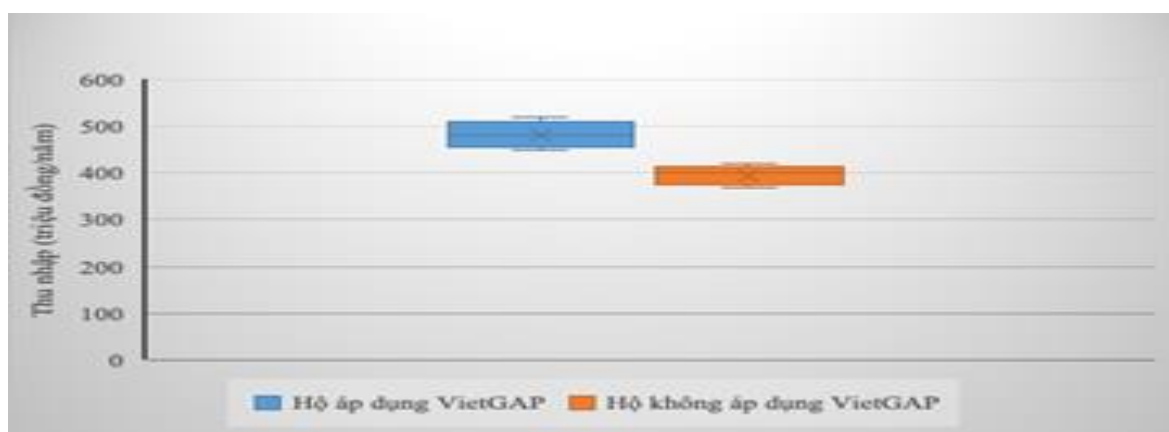
Nhìn chung, các kết quả này khẳng định rằng quy mô canh tác lớn hơn và năng suất cao hơn có liên quan tích cực đến mức thu nhập bình quân của nông hộ. Tuy nhiên, cần xem xét thêm các yếu tố trung gian như trình độ kỹ thuật, năng lực tiêu thụ đầu ra và mức độ áp dụng quy trình VietGAP, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế bền vững trong sản xuất sầu riêng ở khu vực Đạ Huoai.

Đánh giá hiệu quả thu nhập và tác động cải thiện đời sống của nông hộ chuyên canh sầu riêng ở huyện Đạ Huoai

Cây sầu riêng hiện đóng vai trò là nguồn thu nhập chủ lực đối với phần lớn hộ dân trên địa bàn huyện Đa Huoai. Kết quả khảo sát 100 hộ cho thấy thu nhập bình quân từ hoạt động trồng sầu riêng đạt khoảng 421 triệu đồng/năm/hộ, với độ lệch chuẩn 137,4 triệu đồng. Mức độ dao động này phản ánh sự phân hóa đáng kể về hiệu quả sản xuất giữa các nhóm hộ, gắn liền với các yếu tố như quy mô canh tác, điều kiện đầu tư, trình độ quản lý và mức độ tiếp cận quy trình sản xuất được kiểm soát.

Đáng chú ý, nhóm hộ áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt mức thu nhập trung bình cao hơn 28,6% so với nhóm chưa áp dụng (Bảng 3), và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Điều này cho thấy việc tuân thủ các quy trình sản xuất có kiểm soát và an toàn không chỉ giúp ổn định chất lượng sản phẩm, mà còn tạo điều kiện nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

HÌNH 5. BIỂU ĐỒ SO SÁNH THU NHẬP GIỮA NHÓM HỘ ÁP DỤNG VÀ KHÔNG ÁP DỤNG VIETGAP



Nguồn: Tác giả xử lý bằng SPSS từ kết quả khảo sát, 2025.

Hình 5 cho thấy sự khác biệt rõ rệt về phân bố thu nhập giữa hai nhóm hộ. Nhóm áp dụng VietGAP có thu nhập trung bình cao hơn, biên độ dao động rộng hơn và tỷ lệ hộ đạt mức thu nhập trên 500 triệu đồng/năm chiếm ưu thế. Ngược lại, nhóm không áp dụng VietGAP có thu nhập phân bố thấp hơn, ít hộ đạt ngưỡng cao và một số hộ nằm dưới 300 triệu đồng/năm, phản ánh hiệu quả sản xuất còn thiếu ổn định. Điều này củng cố thêm cho giả thiết rằng áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến như VietGAP không chỉ nâng cao năng suất mà còn tăng thu nhập và cải thiện đời sống của nông hộ.

BẢNG 3. SO SÁNH THU NHẬP GIỮA CÁC NHÓM HỘ ÁP DỤNG VÀ KHÔNG ÁP DỤNG VIETGAP

Nhóm hộ	Số hộ khảo sát	Thu nhập trung bình (triệu đồng/năm/hộ)	Độ lệch chuẩn (triệu đồng)	Ý nghĩa thống kê
Áp dụng VietGAP	52	483.2	118.5	$p < 0,05$
Không áp dụng VietGAP	48	375.6	129.3	

Nguồn: Tác giả điều tra và phân tích bằng SPSS, 2025

Bên cạnh sự khác biệt theo mức độ áp dụng quy trình sản xuất, phân tích theo địa bàn cho thấy thu nhập giữa các xã cũng có sự chênh lệch đáng kể. Hộ dân tại xã Hà Lâm có mức thu nhập trung bình cao nhất (513,2 triệu đồng/năm), nhờ vào quy mô sản xuất tương đối lớn, tỷ lệ hộ áp dụng VietGAP cao và mức độ liên kết thị trường tốt. Trong khi đó, các xã như Mađaguôi (358,9 triệu đồng) và Đoàn Kết (376,0 triệu đồng) ghi nhận mức thu nhập thấp hơn, cho thấy sự khác biệt về điều kiện sản xuất và tiếp cận thị trường.

BẢNG 4. SO SÁNH THU NHẬP THEO XÃ (KIỂM ĐỊNH ANOVA MỘT CHIỀU)⁵

Xã	Trung bình thu nhập (triệu đồng)	Độ lệch chuẩn	Kết quả ANOVA
Hà Lâm	513,2	118,7	
Đạ P'Loa	455,1	105,3	
Đạ Oai	397,5	86,2	
Mađaguôi	358,9	74,5	
Đoàn Kết	376,0	81,9	
F = 7,85			p < 0,001

Nguồn: Tác giả điều tra và phân tích bằng SPSS, 2025.

Kết quả kiểm định ANOVA cho thấy sự khác biệt thu nhập giữa các xã là có ý nghĩa thống kê cao (F = 7,85; p < 0,001), đồng thời củng cố nhận định rằng các địa phương có quy mô sản xuất lớn hơn, áp dụng quy trình sản xuất chuẩn hóa và có sự liên kết chặt chẽ với thị trường thường đạt hiệu quả kinh tế vượt trội.

Ngoài ra, 82% số hộ khảo sát khẳng định đời sống của họ đã được cải thiện đáng kể kể từ khi chuyển sang chuyên canh cây sầu riêng, phần lớn nhờ vào giá bán ổn định và nhu cầu tiêu thụ mạnh mẽ từ thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lớn vào một thị trường xuất khẩu duy nhất cũng tiềm ẩn những rủi ro đáng kể, đặc biệt trong bối cảnh biến động chính sách hoặc thay đổi yêu cầu kỹ thuật từ phía nước nhập khẩu. Đây là vấn đề cần được cân nhắc trong định hướng phát triển bền vững của ngành hàng sầu riêng trong thời gian tới.

Những rào cản đối với phát triển bền vững chuyên canh sầu riêng

Mặc dù cây sầu riêng đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân ở huyện Đạ Huoai, quá trình chuyên canh theo hướng bền vững vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Dựa trên khảo sát thực tiễn và phân tích SWOT (Bảng 5), có thể xác định một số rào cản chính đang cản trở sự phát triển ổn định và lâu dài của ngành hàng này.

Thứ nhất, hạn chế về hạ tầng sau thu hoạch là trở ngại phổ biến. Phần lớn các hộ chưa được tiếp cận với kho lạnh hoặc công nghệ bảo quản đạt chuẩn, khiến chất lượng quả dễ bị giảm trong quá

⁵ Lưu ý: Số liệu trong bảng phản ánh thu nhập trung bình của hộ trồng sầu riêng tại 5 xã thuộc huyện Đạ Huoai trong giai đoạn 2019-2023, theo địa giới hành chính cũ. Kể từ ngày 01/7/2025, các xã này đã được sáp nhập vào đơn vị hành chính mới; tuy nhiên, trong bài báo, chúng tôi vẫn giữ nguyên cách phân chia theo 5 xã để đảm bảo tính thống nhất và chính xác của dữ liệu khảo sát.

trình vận chuyển, bảo quản và tiêu thụ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh và xuất khẩu chính ngạch.

Thứ hai, sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc (chiếm trên 80% tổng sản lượng tiêu thụ) gây rủi ro cao khi gặp biến động về chính sách nhập khẩu, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc kiểm dịch thực vật. Việc thiếu đa dạng hóa thị trường làm suy giảm tính ổn định trong chuỗi cung ứng.

Thứ ba, sản xuất vẫn còn manh mún, thiếu quy hoạch vùng chuyên canh tập trung. Nhiều vùng trồng phát triển tự phát, không theo điều kiện sinh thái hoặc quy hoạch liên kết vùng, gây khó khăn trong quản lý mã số vùng trồng, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Thứ tư, khó khăn trong tiếp cận tín dụng và dịch vụ kỹ thuật khiến một bộ phận nông dân chưa thể đầu tư mở rộng hoặc áp dụng công nghệ canh tác tiên tiến. Nguyên nhân thường xuất phát từ hạn chế tài chính, thiếu tài sản thế chấp và chưa có chính sách tín dụng đặc thù phù hợp với ngành hàng.

Cuối cùng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và dịch bệnh ngày càng rõ nét. Thời tiết thất thường, cùng với sự gia tăng các loại sâu bệnh như xì mũ, thối rễ, cháy lá, đang tác động tiêu cực đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong khi đó, công tác dự báo, phòng ngừa và xử lý dịch bệnh còn nhiều bất cập.

BẢNG 5. PHÂN TÍCH SWOT TRONG PHÁT TRIỂN CHUYÊN CANH SẦU RIÊNG Ở HUYỆN ĐẠ HUOAI

Nội dung	Chi tiết
Điểm mạnh	- Điều kiện khí hậu, đất đai phù hợp - Nông dân có kinh nghiệm trồng sầu riêng - Nhiều hộ đã áp dụng VietGAP thành công
Điểm yếu	- Thiếu kho lạnh và công nghệ bảo quản sau thu hoạch - Khó tiếp cận vốn, thiếu liên kết - Sản xuất manh mún, chưa theo quy hoạch tập trung
Cơ hội	- Nhu cầu sầu riêng tăng mạnh tại Trung Quốc và các thị trường khác - Chính sách hỗ trợ nông sản chủ lực của tỉnh - Phát triển vùng chuyên canh gắn mã số vùng trồng
Thách thức	- Phụ thuộc thị trường Trung Quốc >80% - Biến đổi khí hậu, sâu bệnh phức tạp - Yêu cầu kỹ thuật xuất khẩu ngày càng khắt khe

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết quả đạt được

Nghiên cứu đã phân tích toàn diện thực trạng và hiệu quả của hoạt động chuyên canh cây sầu riêng ở huyện Đạ Huoai, dựa trên khảo sát 100 hộ nông dân tại các xã trọng điểm. Kết quả đạt được được thể hiện trên ba phương diện chính:

Về hiệu quả kinh tế: Sầu riêng là cây trồng chủ lực mang lại giá trị thu nhập cao, với mức bình quân đạt 421 triệu đồng/hộ/năm. Đáng chú ý, các hộ áp dụng quy trình canh tác VietGAP có thu nhập trung bình cao hơn 28,6% so với nhóm không áp dụng; sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Phân tích ANOVA cũng chỉ ra sự khác biệt thu nhập đáng kể giữa các xã ($p < 0,001$), trong đó ở Hà Lâm ghi nhận hiệu quả kinh tế vượt trội. Điều này chứng tỏ vai trò tích cực của các yếu tố như kỹ thuật canh tác tiên tiến, tổ chức sản xuất hợp lý và liên kết đầu ra trong nâng cao hiệu quả kinh tế.

Về hiệu quả xã hội: Có đến 82% số hộ được khảo sát khẳng định đời sống được cải thiện rõ rệt sau khi chuyên canh sầu riêng. Nguồn thu nhập ổn định từ loại cây trồng này đã tạo điều kiện cho các hộ đầu tư vào giáo dục, nâng cấp nhà ở, cải thiện điều kiện sinh hoạt và góp phần tạo việc làm tại chỗ.

Về hiệu quả môi trường: Mặc dù mức độ áp dụng chưa đồng đều, xu hướng chuyển sang sản xuất bền vững, đặc biệt trong nhóm hộ áp dụng VietGAP, đã góp phần giảm thiểu sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Việc tăng cường sử dụng phân hữu cơ, kết hợp các biện pháp canh tác thân thiện môi trường, giúp hạn chế ô nhiễm đất và nước, hướng đến phát triển nông nghiệp sinh thái.

4.2. Giải pháp khắc phục các hạn chế

Dựa trên các tồn tại đã phân tích ở trên, nghiên cứu đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm như sau:

Tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị: Phát triển và củng cố vai trò của hợp tác xã kiểu mới làm cầu nối giữa nông dân – doanh nghiệp – thị trường; xây dựng các tổ nhóm sản xuất chung mã số vùng trồng, áp dụng quy trình canh tác thống nhất để đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu; đẩy mạnh ký kết hợp đồng bao tiêu, hướng đến liên kết sản xuất gắn truy xuất nguồn gốc.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một thị trường: Tổ chức kết nối giao thương, xúc tiến xuất khẩu sang Thái Lan, Malaysia, Nhật Bản và các nước EU theo lộ trình đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật; tăng cường cập nhật thông tin thị trường và yêu cầu kiểm dịch, hỗ trợ nông dân tiếp cận các kênh thương mại hiện đại.

Nâng cao năng lực kỹ thuật và cơ sở hạ tầng sau thu hoạch: Tập huấn kỹ thuật canh tác bền vững, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), bón phân cân đối và sử dụng chế phẩm sinh học; hỗ trợ đầu tư kho lạnh, nhà sơ chế, buồng sấy và thiết bị phân loại nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao chất lượng bảo quản.

Quy hoạch vùng trồng tập trung gắn với điều kiện sinh thái địa phương: Rà soát, điều chỉnh và công bố bản đồ vùng chuyên canh sầu riêng phù hợp thổ nhưỡng và nguồn nước; quản lý chặt chẽ việc mở rộng diện tích tự phát, bảo đảm duy trì mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu chính ngạch.

Hỗ trợ tín dụng và tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất: Xây dựng gói tín dụng ưu đãi riêng cho sản xuất sầu riêng đạt chuẩn VietGAP/GlobalGAP; đơn giản hóa thủ tục vay vốn, phát triển quỹ hỗ trợ nông dân, quỹ tín dụng nhân dân tại địa phương.

Tăng cường ứng phó biến đổi khí hậu và phòng trừ sâu bệnh hại: Phát triển và nhân rộng giống chịu hạn, kháng bệnh; xây dựng mô hình tưới nước tiết kiệm; thiết lập hệ thống cảnh báo sớm và quy trình xử lý dịch bệnh thống nhất để giảm thiểu thiệt hại.

Các giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ với sự tham gia của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế tập thể, doanh nghiệp và nông hộ nhằm đảm bảo tính bền vững lâu dài của ngành hàng sầu riêng tại huyện Đạ Huoai.

Tài liệu tham khảo

1. Asemconnect Vietnam (2024). 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sầu riêng đạt hơn 1,3 tỷ USD. Được truy lục từ <https://asemconnectvietnam.gov.vn/default.aspx?ID1=2&ID8=138114&ZID1=8>
2. Lê Bảo (2024). Hạ nhiệt “con sốt” mở rộng diện tích sầu riêng. Được truy cập từ <https://daidoanket.vn/>
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023). *Báo cáo thường niên ngành hàng rau quả năm 2022–2023*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Cochran, W. G (1977). *Sampling Techniques* (3rd ed.). John Wiley & Sons, New York.
5. Cục Bảo vệ Thực vật (2023). *Danh sách các vùng trồng và cơ sở đóng gói quả sầu riêng tươi xuất khẩu sang Trung Quốc được cấp mã số*. Được truy lục từ <https://www.ppd.gov.vn/>
6. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng năm 2024*. Nxb Thống kê, Lâm Đồng.
7. Vũ Thùy Dương & Võ Thành Danh (2011). Hiệu quả sản xuất sầu riêng tại tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 20(b), tr. 237–247.
8. Lilavanichakul, A., & Pathak, T (2024). Thai farmers’ perceptions on climate change: Evidence on durian farms in Surat Thani province. *Climate Services*, 34. <https://doi.org/10.1016/j.cliser.2024.100475>
9. Trần Quốc Nhân (2024). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy nông dân sản xuất cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP ở tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*, 66(9), tr. 68–73. [https://doi.org/10.31276/VJST.66\(9\).68-73](https://doi.org/10.31276/VJST.66(9).68-73)
10. Trần Quốc Nhân, và cộng sự (2022). Yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng VietGAP của hộ trồng xoài ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, 17(2), tr. 152–163. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.17.2.1468.2022>
11. Prayitno, G., Hayat, A., Efendi, A., Tarno, H., Fikriyah, & Fauziah, S (2022). Structural model of social capital and quality of life of farmers in supporting sustainable agriculture. *Sustainability*, 14(19), 12487. <https://doi.org/10.3390/su141912487>
12. Sài Gòn Giải Phóng (2023). Liên kết tiêu thụ, xuất khẩu sầu riêng bền vững. Được truy cập từ <https://www.sggp.org.vn/lien-ket-tieu-thu-xuat-khau-sau-rieng-ben-vung-post705199.html>
13. Thời báo Kinh tế Sài Gòn (2023). Bộ NNPTNT cảnh báo sầu riêng tăng nóng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Được truy cập từ <https://thesaigontimes.vn/bo-nnptnt-can-bao-sau-rieng-tang-nong-tiem-an-nhieu-rui-ro/>
14. Ủy ban nhân dân huyện Đạ Huoai (2023). *Báo cáo thống kê sản xuất nông nghiệp năm 2023*. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đạ Huoai, Lâm Đồng.
15. Vietnam News (2025). Vietnam emerges as global durian powerhouse. Được cập từ <https://vietnamnews.vn/economy/1690527/viet-nam-emerges-as-global-durian-powerhouse.html>